

Dẫn nhập: Với cái nhìn chủ quan của người biên soạn, tuyển tập 300 tác giả và tác phẩm đơn thuần chỉ là công việc góp nhặt sỏi đá những tác phẩm tiêu biểu một thời của những tác giả tiền chiến, hậu chiến, trước hay sau 75 của hai miền Nam Bắc, trong nước cũng như ngoài nước, già hoặc trẻ, cũ hoặc mới. Tác giả và tác phẩm được góp mặt mỗi tuần theo thứ tự họ hoặc tên qua mẫu tự *A, B, C...* Xin thành thực cảm ơn những tác giả có mặt trong tuyển tập nhưng vì trở ngại thông tin, chúng tôi đã không thể xin phép quý vị trước khi đăng tải. – Ngô Không Phí Ngọc Hùng.

\*\*\*

## **Tác Giả và Tác Phẩm**

### **Anh Đức**

#### **Tiểu sử**

Tên thật: Bùi Đức Ái. Sinh ngày 5.5.1935 tại An Giang. Hiện ở Sài Gòn.

#### **Tác phẩm**

Biển động, Biển xa, Hai mươi truyện ngắn, Đứa con của đất



## **Mục Lục**

**Vài hàng về tác giả - 2**

**Cứu thuyền - 3**

**Người gác đèn biển - 11**

*(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Vài hàng về tác giả

(...trích đoạn *Văn học miền Nam* - Võ Phiến)

“Văn học giải phóng” mới là văn học chân chính của Miền Nam, ông Phạm Văn Sĩ ở Sài Gòn viết một cuốn sách về nền văn học ấy, và kể ra những tên như:

Nguyễn Đức Thuận, Thanh Hải, Giang Nam, Lê Anh Xuân, Nguyễn Thi, Huỳnh Minh Siêng, Trần Bạch Đằng, *Anh Đức*, Trần Hiếu Minh, Nguyễn Trung Thành, Phan Tứ, Nguyễn Vũ v.v... Ông không chịu nói ra cái điều lý thú này:

Là tất cả những kẻ vừa kể trên đều được phái từ ngoài Bắc vào.

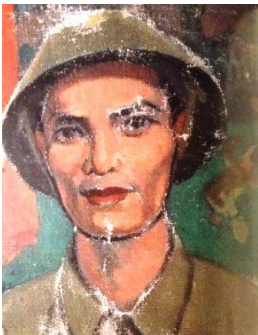
Hạng cao niên hơn thì lại đổi tên đổi họ, hóa thân làm người mới: Lưu Hữu Phước hóa làm Huỳnh Minh Siêng, Nguyễn Văn Bồng hóa thành Trần Hiếu Minh, Nguyễn Ngọc hóa ra Nguyễn Trung Thành, *Bùi Đức Ái thành ra Anh Đức*, Trần Bạch Đằng làm Hưởng Triều, Lê Khâm hóa thành Phan Tứ, Nguyễn Ngọc Tấn thành Nguyễn Thi v.v...

Họ làm ra mặt trận giải phóng Miền Nam bằng người của họ, họ tạo ra một nền văn học giải phóng Miền Nam bằng người của họ mang vào, sau khi đã dạy dỗ kỹ càng và kiểm soát chặt chẽ. Họ lần lượt đổi hết tên này đến tên kia, ký hết “bút hiệu” này đến “bút hiệu” nọ, viết sách cho in đi in lại phổ biến khắp nước.

Sau này khi cần biên khảo về văn học Việt Nam thời kỳ 1954-75, với tài liệu sách báo do nhà nước Việt Nam phổ biến rộng rãi, cung ứng đầy đủ, các học giả Tây phương tha hồ hăng hái nghiên cứu về cái văn học giải phóng như là nền văn học chân chính, nền văn học duy nhất của Miền Nam Việt Nam, với những tác phẩm sáng chói kể chuyện anh hùng Nguyễn Văn Trỗi, chuyện “tục ăn thịt người” ở Miền Nam...v.v... với những văn nghệ sĩ cách mạng Nguyễn Trung Thành, Trần Hiếu Minh, Huỳnh Minh Siêng v.v... thường thường nhất trí quan điểm với những nghệ sĩ cách mạng Miền Bắc Nguyễn Văn Bồng, Lưu Hữu Phước...

Và đối với Tây phương sẽ chỉ còn có nền văn học ấy ở Miền Nam.

Chúng ta thấy hài hước? Thật hài hước chết người.



Hoàng Cầm  
tranh Lưu Văn Sin

\*\*\*

## Cứu thuyền

Trời sáng đã lâu rồi. Mưa vẫn còn rắc hạt trên mái ngói nhà thờ Ngự Thủy. Gió luồn qua các cửa trống trên tháp chuông, rít lên nghe hu hú. Ông bố Nhân là người lo bếp núc cho cha xứ sau khi đã đem món cháo sáng lên cho cha lại trở xuống bếp bung thêm lên món trứng gà đúng nước sôi. Ông cha xứ ăn xong thìa cháo cuối cùng, đẩy bát cháo sang một bên, đón lấy đĩa trứng. Cái đĩa sứ sâu đáy đựng ba quả trứng gà to lồ lộ mới đúng nước sôi còn bốc hơi. Trên thành đĩa đặt sẵn một con dai ăn và một chiếc thìa nhỏ.

Ông cha xứ bắt đầu ăn trứng, theo kiểu người Tây, rất thạo. Một tay ông cầm quả trứng giơ lên ngang mặt, một tay ông cầm con dao ăn khía vòng quanh trên chóp trứng. Xong rồi ông mới đưa lưỡi dao lia sạt một cái. Vỏ chóp trứng rơi gọn xuống đĩa. Ông rắc vào trứng một ít muối, rồi kè miệng húp.

Bố Nhân từ nãy giờ vẫn khoanh tay đứng gần đó, cách một cái ghế. Cha vừa ăn vừa hỏi:

- Ngoài trời đã ngớt mưa chưa?

- Trình cha, mưa ngớt rồi, nhưng xem chừng gió mạnh lắm. Cha ạ, có một chiếc thuyền lưới hôm qua ra khơi, biển động không kịp về. Đã một ngày một đêm rồi mà vẫn không thấy tăm hơi. Động to quá!

Ông cha xứ hỏi một cách vô tâm:

- Thuyền ở Ngự Thủy ta à?

- Dạ, trình cha, thuyền ở đăng hợp tác. Trên thuyền có năm người, trong đó có hai người mới vừa vào hợp tác đêm trước...

- Thế à?

Ông cha xứ sắp đưa quả trứng lên miệng thì dừng lại hỏi như buột kêu lên; chứng tỏ rằng lúc ấy có một cái gì lóe ra trong đầu ông. Đôi mắt sâu có quầng thâm của ông vụt ngó chăm chăm về phía một góc bàn. Đôi mày của ông vốn đã rậm, giờ nhú lại, trông càng rậm rịt hơn. Đang cầm quả trứng, ông đặt xuống đĩa, hỏi:

- Hai người mới vào hợp tác à? Có phải nhà Trình với nhà Hộ không nhỉ?

Ông bố đáp:

- Trình cha, đúng là nhà Trình với nhà Hộ đấy ạ.

Ông cha xứ so nhẹ vai:

- Thấy chưa? Những kẻ không nghe lời răn bảo của đáng làm thầy thì khốn khó luôn luôn ở bên cạnh chúng nó... Tôi là kẻ chần chiên ở đây, gặp khi giông to gió lớn. Chúa giao phó tôi chần dốt con chiên tìm chỗ nấu ỉn. Con chiên nào không theo đàn thì con chiên đó phải gặp nạn như rùa. Chừ bố đã thấy chưa?

Thưa cha... vâng... Bõ Nhân đáp lí nhí trong miệng.

Ông cha xứ thôi nói, tiếp tục ăn trứng. Bõ Nhân đợi cha ăn xong, liền rón rén bước tới bê cái đĩa đi. Nhưng bõ Nhân mới bước ra đến cửa buồng thì cha gọi giật lại:

- Bõ này... Hãy cứ để đấy, chạy đến nhà trùm Sở gọi ông ấy đến ngay tôi bảo nhé!

Bõ Nhân "dạ" rồi đi xuống bếp. Bõ để bát đĩa đấy, khoác cái tơi chạy quàng tới nhà ông trùm Sở. Một chốc sau đã có ông trùm Sở cùng đi về với ông. Ông bõ Nhân mà đi bên cạnh trùm Sở thực là khác nhau phân biệt. Ông bõ người gầy guộc đen xạm, còn ông anh trùm trưởng này thì người đầy đà béo tốt lắm. Trùm Sở tuổi trạc bốn mươi, thoạt trông biết ngay là người lanh lợi. Y cởi chiếc áo mưa màu cánh gián và tháo cái bọc mũ cũng bằng vải nhựa cùng màu đang đội trên đầu xuống. Y đứng ở thềm nhà sau, giậm chân cho sạch cát rồi đi thẳng lên buồng cha một cách thông thạo. Ông cha xứ vẫn còn ngồi đợi trong buồng, nhắc thấy trùm Sở, liền bảo:

- Ông trùm đấy à? Vào đây!

Trùm Sở bước vào rồi, ông cha xứ liền đứng dậy đi ra khép cửa. Bõ Nhân rửa bát đĩa ở dưới bếp xong, định lên buồng cha quét dọn. Nhưng lên đến nơi thấy cửa đóng, ông bõ cầm chổi quét ngoài hiên. Vừa quét bõ vừa nghe thấy tiếng nói rì rầm từ trong buồng vọng ra. Bõ thầm đoán chắc là cha với ông trùm đang nói chuyện về chiếc thuyền bị nạn. Bõ Nhân vốn không phải là một người tọc mạch, nhưng hôm nay bõ cứ muốn lắng nghe cha nói gì, muốn nghe coi có phải cha đang bàn với ông trùm việc cứu những con chiên mắc nạn không. Bõ cầm chổi quét sạch được một quãng hiên thì đứng dậy lấy tay đập đập lưng, nhìn ra biển. Sóng vẫn vỗ ầm ầm vào bờ. Những đợt sóng trước kia xanh đẹp là thế, nay ngàu đục, dòn dập xô đẩy nhau, cưỡi lên nhau. Bõ Nhân nhìn sóng, bất giác lo sợ nghĩ đến những người trên chiếc thuyền kia, và mấy cái gia đình nghèo, đông con, có thể sẽ mất đi những người đàn ông. Cho dù bây giờ bõ Nhân ở trong nhà thờ, nhưng cách đây mười hai năm bõ là người của biển.

Khi bõ còn là một tay lưới thạo nghề, có sức khỏe, chớ chưa vào nhà xứ mà làm bõ thì bõ đã từng lẫn lộn với sóng gió, đã từng nghe thấy cái chết nó rình rập quanh mình. Trên mười năm qua rồi, đời sống của miền Ngư Thủy này đổi thay đã nhiều thế mà biển vẫn y như trước vẫn hung bạo không kém. Ông bõ nheo nheo mắt nhìn những đợt sóng lớn dòn dập ở ngoài kia, nhớ đến cái lúc thuyền bõ bị đắm thì trên thuyền cũng có năm người. Bõ còn nhớ rõ như in trong trí là lúc thuyền bị sóng nhận xuống thì ba người đã phóng xuống biển để nâng bờ thuyền lên. Còn lại hai người, là bõ với một anh bạn lưới tên là Tấn, hai người còn ở lại trong khoang thuyền đầy nước. Chính mắt bõ trông thấy một đàn cá mập lượn tới, con đầu to bằng cánh phản, bơi nghiêng và những con sau bõ chỉ vừa mới thoáng thấy, chưa kịp kêu, thì chúng đã đớp ngay một anh. Hai anh kia cũng bị chúng đuổi theo, ăn nốt. Máu loang đỏ, trào lên ngọn sóng. Bõ với anh Tấn nấp sát vào lòng khoang thuyền. Đàn cá biết còn người trên thuyền, nên nó cứ lượn quanh. Nhưng nó không có cách nào ăn thịt được hai người. Hai người cứ rúc trong lườn thuyền. Chiều hết đến đêm. Thực là một đêm khủng khiếp trong đời bõ. Vừa rét vừa đói, mà quanh thuyền đàn cá vẫn không chịu rời mỗi. Hai người cố chịu như thế qua gần hết một đêm, tới gần sáng bỗng nghe như bánh lái thuyền xéo lên cát. Hóa ra sóng xô giật thuyền vào tới bờ. Anh Tấn núp ở lườn lái trôi đầu lên reo: "- Đụng bờ rồi, lên đi thôi". Nói xong anh nhảy sọt xuống. Chỗ ấy mực nước chỉ tới rốn. Nhưng anh Tấn vừa nhảy xuống thì bõ Nhân nghe tiếng cá đớp đánh "đùng" một cái. Và bõ chỉ kịp nghe anh Tấn kêu lên một tiếng "ối". Bõ thụt đầu trở vào thuyền đưa tay làm dấu và ôm ngực rên rĩ: "Lạy chúa... sao nó theo ta riết thế này!". Thế là bây giờ chỉ còn lại có một mình bõ. Bõ cứ nằm nấp sát trong chiếc thuyền lờ đờ đầy nước. Mãi đến lúc sóng xô thuyền chúi mũi rướn lên cát, bõ mới ngóc đầu ra. Trời sắp rạng sáng. Bãi cát đầy rồi. Bõ nhồm dậy phóng lên bờ. Chạy được mười thước thì bõ ngã sấp, hai

tay buông xuôi ra sau, giống như cái neo ta thường thấy vất trên cát.

Bố Nhân là người độc nhất sống sót trong chuyến đó. Còn anh Tấn là người chết sau rớt, chết trong bờ mà phải mất xác. Anh Tấn cũng như bố Nhân đều là người đánh cá nghèo. Anh Tấn chết đi để lại một đứa con gái mười bốn tuổi. Còn bố Nhân thoát chết nhưng lại mắc nợ sống. Là vì giàn lưới bị mất chuyển ấy là cửa nhà chung cho vay vốn sấm ra. Cửa nhà chung là cửa Chúa. Bố Nhân đi nghề góp nhóm suốt mấy năm mà vẫn không sao bồi đền nổi. Cuối cùng bố phải vào nhà thờ làm lụng, vừa để trừ món nợ, vừa dành dụm mưu mang đứa con gái anh Tấn. Cho đến ngày nay, đứa con người bạn lưới xấu số đã có chồng, là anh Vạn, người Lộng Dương, còn bố thì vẫn ở đây. Vẫn mặt biển này, vẫn tiếng sóng vỗ ầm ầm ngoài khơi kia.

Ông bố vừa nhìn biển vừa nhớ lại cái đêm khủng khiếp nó đưa đẩy cuộc đời bố đến đây...

Tiếng cửa kẹt mở khiến bố giật mình quay lại. Trùm Sở đi ra. Bố nghe tiếng cha nói với trùm Sở:

- Ông trùm đi ra bãi xem, tôi đợi ông nhé!

- Vâng, cha để con ra bãi xem binh tình thế nào.

Trùm Sở khoác áo mưa đi lịch phịch ra. Ông cha xứ đi theo, bước chân rất là nhẹ. Tới cổng, cha liếc nhìn ra bờ biển nói với ông trùm, giọng hoạt bát hẳn lên:

- Phải làm cho chúng nó sáng mắt ra, ông trùm ạ. Kể nào làm ngược ý Chúa kẻ ấy chỉ có chuốc lấy vạ. Nay, ông trùm tinh mắt, xem coi giờ còn động lâu không?

- Thưa cha, ít nhất là vài hôm nữa. Chiều qua ráng còn đỏ ối, giờ còn nổi gió lâu đây.

- Hay lắm!

- Thưa cha con đi.

- ừ, đi quàng lên đi!

Trùm Sở chạy ra bờ biển. Cha đứng nhìn theo và từ từ giơ tay là phép lành. Ngoài bãi, mưa đã ngớt, người trong thôn lưới kéo ra ngày một đông. Sóng đánh ầm ầm. Như những đàn ngựa trắng phi nước đại, sóng chạy tề vào bờ. Ngoài xa khơi, sóng vỗ vôi trắng xóa làm mờ mịt cả mặt biển.

Trùm Sở ra đến nơi thì vừa lúc đang hợp tác xã và đội đánh cá miền Nam đã bàn bạc xong kế hoạch đi cứu chiếc thuyền bị nạn.

Mọi người trong hợp tác xã trừ rằng sóng ngoài khơi êm hơn sóng trong lộng. Chiếc thuyền kia có thể là chưa bị đắm, nhưng không vào nổi. Cho là thuyền bị đắm, nhưng không vào nổi. Cho là thuyền bị đắm thì chắc gì họ đã chết cả. Những tay lưới trong đội đánh cá miền Nam cũng nhất trí nhận định như thế. Người đội trưởng đánh cá phân công ba người cùng đi với hợp tác xã. Bên hợp tác xã có ba người nữa là sáu.

Trùm Sở ra đến bãi biển, thu hai bàn tay vào bụng, lò dò len lỏi vào đám đông, nghe ngóng thấy thế y liền chạy về tin cho cha hay. Ông cha xứ nghe xong hơi thừ người ra. Trước cổng nhà thờ, cha rảo bước tới, lui; hai bàn tay bóp nghẹn vào nhau. Mấy phút sau cha lẩm bẩm:

- Họ đi cứu thuyền thật đấy ạ?

Làm như tự hồi giờ cha chưa nghe trùm Sở báo cái tin đó vậy. Và rồi cha cúi mặt mình sát vào trùm Sở, hỏi:

- Liệu họ có đi tìm được không?

Trùm Sở đáp:

- Mỏng manh lắm, thưa cha... là vì sóng còn to quá. Nhưng xem chừng họ quyết đi tìm lắm. Sóng gió thế này mà họ cứ cho thuyền ra...

- Đám người này chừ họ liệu mình quá rồi. Cả những bôn đạo ở hợp tác cũng thế, họ quên hết... Phải nhắc lại, ông trùm ạ, phải nhắc lại cho họ nhớ, ai sinh ra biển. Có phải là Chúa không? Ai mới có thể lấy mây làm áo xống cho nó, lấy tăm tối làm khăn vấn cho nó, mà rằng: "- Biển, mày không được đi đâu nữa!". Ai, có phải là Chúa không? Ngoài Chúa, ai dám chống chọi với nó... Thôi được, giờ ta ra ngoài ấy xem sao, ông trùm cùng đi với tôi nào!

- Thưa cha, vâng.

Ông cha xứ trở vào lấy chiếc mũ nồi bằng dạ đen chụp lên đầu rồi đi trước. Trùm Sở đi sau, tay luôn giữ cái bao vải nhựa trên đầu sợ gió thổi bay. Hai người ra tới bờ biển thì đã nghe tiếng "hè" vãn thuyền từ trước mặt vọng lại. Đám đông người đang xúm xít thấy ông cha xứ đi đến liền sụp chào và cúi mặt xuống.

Đằng kia, anh đội trưởng miền Nam đang giơ tay điều khiển vãn thuyền xuống bãi. Trên một chục tay lưới, hợp tác xã lẫn đội đánh cá, đang đẩy chiếc đòn ngang ở mũi thuyền. Chiếc thuyền bị vãn từng vòng một, nhào dần ra phía chón nước. Ông cha xứ đi tới, kêu lên:

- Mấy người đi thật đấy à?

Đến đấy giọng ông chột hạ thấp xuống, rền rĩ:

- Giêsu lạy chúa tôi! Sao lại liệu mình... như... thế... thế...

Nhưng tiếng của ông bị át trong tiếng "hè" vãn vòng thuyền cuối cùng. Mũi thuyền chúi ào xuống nước. Sáu người được chọn đi nhảy lên thuyền. Ba tay lưới miền Nam lên xong thì tiếp đến anh em ở hợp tác xã. Những tay lưới hợp tác xã còn trẻ, và đều đi đạo. Trên bộ ngực nở nang của họ, lủng lẳng những chiếc thánh giá nhỏ bằng đồng đã han xanh. Người lên thuyền cuối cùng là anh Vạn. Nhưng khi anh Vạn mới dọn chân nhảy lên lái thuyền thì thành linh có một chị đàn bà bế con rế đám đông nhào tới bấu lấy chân anh khóc bù lu bù loa. Anh Vạn quay lại nhận ra là vợ mình. Anh sững sốt gất lên:

- Nhà làm gì lạ thế. Buông ra cho tôi đi! Làm gì mà khóc lóc thế này?

- Lạy Chúa... anh ơi... đừng đi!

- Buông tôi ra...

Chị Vạn càng khóc lớn. Một tay chị bế đứa bé, một tay ôm lấy chân chồng. Anh Vạn lúng túng

nhìn lên đám đông như để cầu cứu. Anh ta bỗng nhiên cảm thấy hết sức rối rắm, bởi cái cánh tay rất yếu mà lại rất khỏe của vợ. Anh chủ nhiệm vẻ mặt ngạc nhiên, lẩm bẩm nói với anh đội trưởng:

- Lạ quá! Sao lại thế này được? Ban nãy, biết anh ấy đi nhưng chị ta có khóc bù lu bù loa lên thế này đâu.

- Ai lại xui chị ta điều gì rồi!

Một người đằng sau lưng nói.

Một người khác hỏi lại:

- Ai xui?

- Nào ai biết được!

Bỗng có tiếng người kêu:

- Kia rồi, ông bỏ ra kéo chị ta vào kia rồi!

Anh chủ nhiệm hợp tác xã quay lại nhìn, cũng kêu lên:

- Bõ Nhân... Chà, hay quá, ông ấy ra bao giờ thế nhỉ?

Đúng là Bõ Nhân thật. Không biết Bõ đã ra đây từ lúc nào. Bõ chạy đến mé bãi, lạng lẽ gỡ tay chị Vạn ra khỏi chân anh Vạn. Chị Vạn nhận ra Bõ Nhân thì không khóc nữa. Và Bõ Nhân cứ thế kéo tay chị dắt lên bờ. Đám đông rẽ ra nhường chỗ cho Bõ Nhân đi. Trong đám đông đó, trùm Sở vừa liếc nhìn Bõ Nhân vừa kéo cái bọc mũ vải nhựa trên đầu xuống và nhàu trong tay.

Anh Vạn lên thuyền. Sáu tay chèo vừa quai xong, quấy mạnh. Mũi thuyền bỗ tới, cưỡi lên lưng sóng, vượt ra. Sóng cũng không vừa, xô trả thuyền lại phía bờ. Chèo quấy mạnh, thuyền lại nhao tới. Chiếc thuyền mới ra đã phải vật lộn ngay với những đợt sóng ào ạt dồn dập nhất. Càng vào gần bờ, sóng càng dữ dội hơn. Chiếc thuyền mất mười lăm phút mà ra chưa được năm mươi sải tay. Giữa lúc đó một lượng sóng rất lớn ập tới, chôn chiếc thuyền xuống vực sóng rồi tung thuyền lên. Anh thủ lái người miền Nam cao to nhất bị hất bổng lên trên không, chân rời khỏi sạp thuyền có đến một thước. Anh gượng ngay được, nhưng mới vớ chèo tiếp thì chèo gãy "rắc". Anh đội trưởng trên bờ thấy thế liền ôm khoanh dây cầm sẵn trong tay chạy xuống mé bãi, rùn chân xuống cát ném vút mỗi dây ra. Trên thuyền nắm lấy được mỗi dây. Chèo lái đã bị gãy, đành phải kéo thuyền vào. Trong đám đông, có tiếng ai nói, giọng khao khao như là giọng của trùm Sở:

- Không cưỡng lại nó được đâu... Chúa chẳng đã bảo thế là gì?

- Bảo thế nào?

Một thanh niên quay phắt lại, sừng sộ. Anh thanh niên nói chớ vào trùm Sở:

- Tôi xin có nhời nói thẳng với ông, là ông chỉ độc nói phét thôi ông trùm ạ. Khi thì chúa bảo thế này, khi thì chúa bảo thế khác. ở đây không có việc gì cần đến ông thì xin ông về cho được việc người ta.

- Ở... anh này láo nhỉ. Bố anh cũng chẳng dám hỗn với trùm trường nữa là... còn anh...

Một người bên cạnh ôn tồn bảo:

- Thôi, ông trùm...

- Đừng có làm ồn lên. Người ta đang bận việc, chỗ này không phải chỗ lời thôi với nhau đâu nhé.

Trùm Sở nín im.

Chiếc thuyền đã được kéo vào gần tới bãi. Người ta mang xuống thuyền một cặp chèo khác. Xong, thuyền lại bỏ mối dây quay ra. Ông cha xứ ở gần cuối đám người thấy thế liền đi như chạy tới trước mặt anh đội trưởng và anh chủ nhiệm:

- Sao lại đi thế kia?

Anh chủ nhiệm đáp:

- Thừa cha vâng, phải đi thôi.

- Là cha xứ ở đây, tôi có bổn phận khuyên các ông chớ có liều mình như rứa!

- Cha không lo, chúng tôi đã tính kỹ rồi.

Ông cha xứ nói giọng khác hẳn đi:

- Tôi không muốn cầu nguyện thêm cho người nào nữa đây nhé. Cầu nguyện cho năm người là quá lắm rồi.

Anh đội trưởng đánh cá cười, đáp:

- Đã biết ai sống chết thế nào mà cha đã vội lo cầu nguyện. Chúng tôi sẽ cố gắng để cha không phải cầu nguyện cho một người nào đâu.

Nói rồi anh đội trưởng lại vẫy tay ra hiệu cho thuyền ra. Vẫn như lần trước, sóng cứ đẩy thuyền lùi lại. Nhưng cuối cùng thì lần này, với những mái chèo rập đều, chiếc thuyền vượt quá khỏi cái vùng sóng dồn mạnh nhất trong lộng. Ra khỏi những đợt sóng đó, thuyền đi dễ dàng hơn. Cứ mỗi lúc thuyền ra mỗi xa. Hướng ra khơi, chiếc thuyền dần dần thu bé lại. Sau cùng nó chỉ còn là một chấm đen nhỏ, chao trong sóng. Anh đội trưởng cầm chiếc ống nhòm đưa lên mắt. Chiếc thuyền chỉ nhào vừa phải trên sóng làm anh yên tâm. Người chủ nhiệm hợp tác xã đến trước đám đông nói to:

- Đề nghị bà con ta về thôi. Ai vá lưới lo vá, ai nhuộm lưới lo nhuộm, kéo mắt cả buổi công rồi đấy!

Mọi người nghe lời anh chủ nhiệm, lần lượt kéo nhau về thôn. Chỉ còn thân nhân có chồng con bị nạn thì ngồi lại trên bãi cát. Anh chủ nhiệm đi về chỗ có tiếng khóc sùi sụt của mấy người đàn bà. Ông cha xứ và trùm Sở cũng về nhà thờ. Bồ Nhân đi theo sau. Thịnh thoảng bỏ ngoái nhìn lại chỗ có tiếng khóc. Trùm Sở quay lại giục, giọng hằn học:



- Ông bố, đi nhanh chân về mà lo thổi nấu. Cha đói đến nơi rồi kia kìa!

Bố Nhân vội rảo bước đi nhanh hơn.

Buổi trưa hôm ấy, sau khi làm cơm dọn cho cha ăn xong, bố Nhân xuống nhà và vội mấy miếng cơm rồi leo lên tháp chuông. Ngồi trên tháp chuông bố nhìn xuống theo con đường lát đá tảng xám trước nhà xứ. Con đường này rêu không bao giờ bám lên được vì những bước chân con chiên đi lễ đi xưng tội trước Chúa cứ giẫm lên hằng ngày. Hết nhìn con đường ông bố lại ngó mông ra bờ biển. Nhớ lại câu chuyện ban sáng, lúc ở nhà và lúc ra bãi, ông bố càng thêm phân vân trong bụng. Tại sao cha với ông trùm cứ không muốn người ta đi cứu thuyền. Có phải vì cha lo nghĩ đến tính mạng của những người đi cứu không? Bố Nhân cứ bầu vịu thềm mong cha chỉ xuất phát từ cái ý nghĩ đó - khi mà trong đầu bố đã nảy nở một ý nghĩ khác, rất đáng sợ, có thể làm tổn thương đến lòng tin đã sẵn có từ lâu trong một con chiên ngoan đạo như bố. Chưa có lúc nào bố Nhân thấy có điều cực lòng như hôm nay.

Gió biển ban trưa thổi vào, lướt qua thành chiếc chuông đồng trên đầu ông bố, ngân rung khe khẽ. "- Giêsuma, xin đừng cho cái bóng quỷ nào vờn lên sau tượng Chúa thiêng liêng". Ông bố còn lẩm nhẩm như vậy, trước khi những làn gió đã mơn man, la đà đưa bố vào giấc.

Lúc mặt trời đã chiếu chênh chếch vào mảng tường loang lổ của một góc tháp chuông, bố Nhân bị đánh thức dậy bởi những tiếng huyền não trong thôn vọng tới. Bố vội mắt nhìn xuống, thấy người người lũ lượt chạy ra bờ biển. Ông bố không biết chuyện gì, liền từ tháp chuông tụt xuống, chạy ra cổng. Một loáng sau bố đã ra tới bờ biển. Thì ra trên mặt biển có một bóng thuyền xuất hiện. Bố Nhân cũng nhìn thấy bóng chiếc thuyền ấy. Nhưng bóng thuyền hiện ra càng làm bố và mọi người lo ngại. Là vì nếu chỉ có một chiếc thì chiếc kia không tìm thấy rồi. Có tiếng người buột kêu lên, giọng như rên rĩ:

- Ôi... hay là đám mất rồi!

Và người ta nghe thấy tiếng gào xé ruột của một người đàn bà. Cả đám người nhốn nháo cả lên.

Người đội trưởng đánh cá miền Nam hấp tấp lấy lại độ ngấm của cái ống nhòm. Anh đưa ống nhòm lên xem. Xem xong, anh vừa trao ống nhòm cho anh chủ nhiệm hợp tác xã vừa bảo khẽ:

- Anh coi coi, hình như một chiếc kè một chiếc đấy!

Anh chủ nhiệm vớ lấy cái ống nhòm. Anh chăm chú nhìn một lúc rồi kêu to:

- Hai chiếc, hai chiếc... Mà sao lại có khói bay lên thế kia?

- Anh cho tôi xem một cái, có được không? - Bố Nhân hỏi.

Anh chủ nhiệm nói:

- Được, đây, ông bố xem xem!

Bố Nhân đưa hai tay thô sần, run run đỡ lấy cái ống nhòm. Bố nhìn, nhìn mãi. Qua ống kính, bố thấy sóng trào lên, và hai chiếc thuyền nhảy nhót lác lía như trứng vịt. Bố kêu:

- Thuyền về rồi, thuyền về rồi!

Cái ống nhôm cứ chuyễn hết người này đến người khác. Cho đến lúc người ta trả lại cái ống nhôm cho anh đội trưởng thì mọi người đã có thể bắt đầu nhìn thấy chiếc thuyền bằng mắt thường.

Ông cha xứ và trùm Sở ở trong nhà thờ nghe ngoài bãi ồn ào thì cũng mò ra. Trùm Sở chạy sau ôm trong tay chiếc áo khoác bađờsuy bằng dạ vũ cho cha. Lúc ấy thuyền đã sắp vào đến nơi.

Người ta ném dây lôi thuyền qua vùng sóng lộng. Thuyền cập bãi. Anh em đi cứu thuyền gác chèo nhảy lên cát, dánh đi hơi lão đảo. Dưới sạp khoang chiếc thuyền đầu, năm người xã viên nằm thiêm thiếp. ở khoang giữa, cái bếp củi để sưởi cho họ còn cháy đỏ. Gia đình thân nhân của họ chạy đến. Lần này những người đàn bà cũng lại òa khóc. Một anh miền Nam trong số người đi cứu, vừa vượt nước biển dính trên tóc vừa nói:

- Chúng tôi ra thật đúng lúc. Thuyền bị đắm từ hồi khuya, anh em cứ bám trong lòng thuyền... Khi chúng tôi ra gặp thì anh em đã kiệt sức. Nhưng bây giờ thì anh em không chết đâu. Bà con đừng khóc mà...

Anh miền Nam nói dứt lời thì có một chị đàn bà chạy đến sụp xuống chân anh, nói giọng ríu lại:

- Cảm ơn các anh, tôi cảm ơn các anh!

Anh miền Nam hoảng hốt đỡ tay chị dậy. Ông cha xứ nhìn thấy thế dạy mặt đi chỗ khác. Không biết trùm Sở đã khoác cái áo lên lưng cha từ lúc nào mà bây giờ cha cứ đứng tay thu chặt vạt áo vào bụng. Về mặt cha bỗng dưng từ từ tái lại. Anh chủ nhiệm hợp tác xã bảo khế bố Nhân:

- Ông bố, cha bị cảm hay sao mà mặt cha cứ tái lại thế kia?

Bố Nhân vội chạy đến bên cha nói:

- Bẩm cha, cha khó ở à? Để con đưa cha về...

Nói rồi bố Nhân xốc nách dìu cha đi. Trùm Sở cũng dìu một bên cha. Cả ba đi về phía nhà thờ.

Anh đội trưởng miền Nam nhìn theo, nói với anh chủ nhiệm:

- Ông cha xứ bị cảm gió chắc?

- Có lẽ...

- Sao? Anh đội trưởng hỏi lại.

Anh chủ nhiệm nắm tay anh đội trưởng nhếch mép định nói gì nhưng lại thôi không nói nữa. Anh nhíu trán nhìn về đằng trước. Bây giờ bố Nhân đã công cha xứ trên lưng. Bóng ông bố già đáng thương đó công cha xứ vừa đi vừa chạy mỗi lúc một khuất dần trên lối cát.

## Người gác đèn biển

Tàu chúng tôi neo cách đèn Hoa Lãng không đến hai cây số. Được thuyền trưởng cho phép, anh thợ máy Vòng Tài Phát, một người Hoa kiều lai Việt Nam rủ tôi hạ xuồng bơi ra thắp đèn Hoa Lãng thăm ông cụ gác đèn, người mà anh thường gọi là ông Sáu Hoa Lãng, trước vốn là bạn của bố anh. Chiếc xuồng của tàu đã tháo máy, thành thử hai chúng tôi phải dùng bơi chèo. Anh Tài Phát chỉ tôi bơi theo lối bơi thủy quân, cầm thuận mà bơi ngược. Tôi quen lối bơi Nam Bộ nên cứ vô ý để mái chèo luôn phải chèo của anh Phát.

Nhờ gió và sóng xuôi, một chốc sau xuồng chúng tôi cũng đã đi gần đến thắp đèn Hoa Lãng. Thắp đèn Hoa Lãng không phải là một ngọn hải đăng lớn, nó là một ngọn đèn biển để tàu to từ ngoài biển bắt chập đi vào cho đúng lòng lạch. Đó là một ngôi nhà gỗ màu xám cất trên bốn cây trụ bê tông chôn chân xuống mỏm đá. Cây trụ thắp đèn cao gấp hai nóc nhà cũng xây dính vào một góc của ngôi nhà ấy. ở giữa biển, cái nhà đèn Hoa Lãng, trông thật trơ trọi, cô độc. Về mép trái còn có những rặng núi, những hòn đảo nhỏ xanh lam của vịnh Hạ Long nô ra, kỳ dư chung quanh chỉ có biển cả mênh mông. Mỏm đá dưới chân đèn cũng là màu xám nốt, coi như bị lên mốc, sóng cứ vỗ bì bõm mãi không thôi. Trên mái nhà lợp tôn nghiêng nghiêng, thấy có cái ống khói thiếc nhỏ đang chậm rãi thả ra một làn khói trắng mềm mại, nhỏ như sợi chỉ.

Cuối cùng chúng tôi đến nơi, rấn mũi thuyền nhẹ nhàng vào mỏm đá. Nghe tiếng động bơi chèo, từ trên nhà một con chó mực chạy ra sủa ăng ẳng. Giữa biển nghe tiếng chó sủa tôi thấy thú vị. Có tiếng người lục đục trong nhà tôn. Một ông lão lộ cái đầu bạc hói ra khỏi cửa, rướn mắt nhìn xuồng. Sau đó ông lão nhận ra và kêu lên:

- Anh Vòng đây à? Giời ơi, thế mà tôi cứ tưởng... Buộc thuyền vào cột đi. Có xích chứ? Không à. Thế để tôi lấy xích...

Chúng tôi buộc xuồng, với sợi dây xích ông lão ném từ trên xuồng, rồi leo lên thang. Chưa tới nấc thang cuối, ông cụ đã với tay chúng tôi lên. Ông cụ nhìn anh Tài Phát, khen anh ta béo, đoạn chụp cả tay tôi kéo vào. Tôi bước vào nhà, bờ ngõ và thấy thích thích. Gọi nơi này là nhà khí hơi quá đáng. Một cái lều vách gỗ mái tôn. ở ngoài lều, đặt một bộ ván và tận trong kê một chiếc giường rộng. Trên vách lủng lẳng treo mấy bộ sách cũ vàng khè. Nhà có bao nhiêu khoảng vách trống đều dán tranh. Vách bên trái có một bức tranh vẽ ba vị võ tướng đời xưa, đang lẫm liệt ngồi trên mình ngựa. Vị ở giữa cầm gương, cưỡi ngựa hồng. Hai vị hai bên người cưỡi ngựa bạch người cưỡi ngựa ô, tay sử dụng thương và thanh đao lớn. Cả ba người ghìm ngựa bên bờ sông, bờ sông lát lay những cây lau nhỏ. Bức vẽ hình như do tay một người thợ mã nào đấy vẽ ra, bên dưới lại chú một dòng chữ Hán nguệch ngoạc.

Thấy tôi để ý tới bức tranh, ông cụ nhìn tôi có vẻ trân trọng lắm.

Chúng tôi ngồi xuống bộ ván. Ông cụ nói:

- Nghe tiếng tôi cứ ngỡ là cái Đào, anh Vòng ạ, nào ngờ các anh.

Rồi ông cụ hỏi tôi:

- Anh cũng ở dưới tàu 12?

Anh Vòng đỡ lời:

- Vâng, thủy thủ mới đẩy cụ ạ.

- Thảo nào tôi không biết, các anh ở tàu 12 tôi đều thuộc cả.

Tôi mỉm cười, đáp:

- Tàu còn neo đậu, chúng cháu rồi, anh Phát rủ cháu ra đây chơi, nhân thể thăm cụ.

- Cám ơn, các anh đến chơi thật là tôi cảm ơn lắm!

Anh Vòng có mang theo một chục con khô mực làm quà tặng ông cụ Sáu. Ông cụ vừa mở gói khô ra xem vừa nói:

- Anh Vòng quý tôi quá, chừng này mực lão già có thể uống rượu hai tháng đấy các anh ạ!

Nói xong ông cụ loay hoay đi gần lại lò than trong góc nhà, chuẩn bị một bữa nhấm. Một chốc sau, khắp gian lều bay lên mùi mực nướng thơm lừng. Ông cụ đem ra một cái vò đất trắng và một lọ dưa chuột đặt giữa bộ ván. Ông trở vào vò rượu, nói: "Đây là của thằng em rể nó cho tôi". Và chỉ vào lọ dưa, cụ nói: "Đây là của con bé cháu nó làm đấy". Ông cụ vừa gắp dưa ra đĩa vừa nói:

- Ở đây buồn quá đi mất. Có con bé cháu, chứ không thì còn buồn nữa. Cứ mỗi hai ngày nó chèo thuyền ra đây một lần. Có khi bận việc thì bốn năm hôm. Hễ dăm hôm mà nó chưa ra thì tôi nhớ nó lắm rồi. Ấy là nó bận việc đồng, vả lại làm đảng thành niên cứ họp hành suốt. Tôi ở đây, khổ quá, ở làng bây giờ cứ sôi nổi cá lên, thôn nhà lại vừa lập hợp tác xã, mà tôi thì cứ ở đây... Hết đan lưới lại nghiền ngẫm mấy pho truyện cổ. Đâu có nghe thấy tiếng người, chỉ nghe thấy tiếng sóng vỗ, tiếng tàu, tiếng chim kêu... Các anh có dịp ra đây ở thử dăm mười hôm rồi thì biết. Hẳn là các anh đòi về ngay thôi. Chịu đựng sự buồn tẻ hình như người già thì chịu giỏi hơn... Mà nói thế, chứ ai lại bắt các anh ra đây, các anh còn làm việc khác, sức các anh còn phải để kéo dây, làm máy... ra chốn này nó cũng hoài đi...

Ông cụ Sáu dừng lại trao hai cốc rượu cho tôi và anh Phát:

- Nào, nhắm nhấp đi chứ... Rượu cầm chính gốc đây.

- Mời cụ!

- Uống đi, tôi uống đây.

Ông lão một tay với cốc rượu, một tay cào khế vào sườn:

- Tôi già rồi, chỉ còn có cái tật xấu này. Anh Vòng với các anh đây cũng bỏ quá cho tôi nhé. Ồ, uống đi chứ... các anh!

Anh Phát cầm cốc rượu uống cạn. Tôi nâng cốc nhìn cái sắc rượu tím sẫm sau lớp thủy tinh, đoạn tợp nhẹ một hớp. Chất rượu cô đặc, hồ như có chất nhựa dính. Ông lão cũng uống một hớp, đặt cốc xuống, xé một thớ mực khô để vào mồm chếp một cái, lấy ra thừa khô vẫn còn nguyên.

Ông lão nói:

- Lúc mình đang sức trai, thềm đủ thứ thì không có mà ăn. Đến giờ có lắm cái ăn thế này thì mồm đã thấy nhạt nhẽo rồi.

Tôi hỏi:

- Cụ ra đây đã được bao lâu?

- Lâu. Bỏ đồng ruộng ra ở giữa biển thế này hai chục năm dư rồi. Sống cái đời một thân một nhà một cửa anh ạ.

Lặng lẽ một chốc, ông cụ thở dài:

- Tổ tiên nhà mình thì oanh oanh liệt liệt, còn mình thì nhỏ nhít thế nào ấy. Ông cụ cố đời trước của tôi là tướng đời Trần theo hầu đức Đại Vương Trần Quốc Tuấn. Bức tranh mà anh vừa xem đấy, ngài đang ngồi trên lưng con ô mã bên trái đấy!

Tôi đưa mắt nhìn lại bức tranh:

- Ai vẽ đấy cụ?

- Một người thợ vẽ trong làng. Không được biết ông cụ cố diện mạo thế nào. Nhưng tôi đọc trong gia phả rồi cứ bảo anh ấy vẽ. Đó là một tay vẽ cừ, vẽ các ngài ấy xem thần sắc oai phong lắm đấy chứ, phải không anh?

- Vâng, ở làng mà vẽ thế là khá!

Ông cụ Sáu uống thêm một hớp rượu nữa rồi nói:

- Tôi mà ra đây cũng là bởi sự nghèo đói đưa đường đẩy thôi. Ở làng không có đất. Nhà từ nhỏ có học võ vẽ ít chữ, nên tôi được người chú họ xin cho vào làm ở ty lục lộ. Lâu quá rồi, quên mất cả năm, chỉ nhớ đại khái là hồi ấy tôi băm sáu. Trước tôi coi ở đền Long Châu. Ở chung với ông cụ anh Vòng đây. Tội nghiệp, ông cụ bị ngộ gió độc mà phải chết... Sau khi ông cụ anh Vòng mất thì tôi về đây, ở đây được trên hai chục năm rồi anh ạ.

Tôi ái ngại nhìn ông cụ Sáu nói:

- Ở một mình thế này hẳn buồn lắm hở cụ?

- Phải, còn nói gì nữa. Anh xem, có gì đâu, ngoài gió với sóng. Ban đêm thì có sao mọc trên trời, thế thôi. Bầu bạn của tôi ngoài ra còn có mấy đàn nhạn, lũ chim chằng bè tìm cá trên biển. Con bé cháu nó cũng về làng rồi. Có con mực đấy, con chó yêu của tôi đấy. Nhiều lúc tôi thèm tiếng người quá anh ạ. Xa làng, nhớ vợ nhớ vẫn mãi... Anh tưởng tôi thích ở đây lắm sao? Không, tôi thì có khác gì các anh, tôi cũng thích ở trong làng chứ, nhưng bởi vận nghèo, phải, chính vận nghèo nó đã đẩy tôi ra đây, buộc tôi phải sống trọn một đời. Giờ thì sắp đến lúc được trả về cái miếng đất cũ rồi... Những năm đầu, hồi còn thời Tây, ban đêm nghe sóng vỗ gió gào, nhớ mảnh đất làng sao mà nhớ quá thế. Tôi nhớ cái ngày tóc còn để chôm, học ở nhà thầy đồ chiều về ra giếng lặn hụp tới tối mịt. Ngày mùa lúa gặt xong, làng mở đám rước phường chèo về hát, hội hè cờ mở trống rong. Tôi nhớ con đường mòn, nhớ từng họn gạch vụn bên đình thờ Ngũ Hổ tướng phò Đức thánh Trần, và nhớ cả giọng nói của ông từ giữ đình kể cho chúng tôi nghe sự tích đức thánh Ngài dùng gươm báu chém tặc tướng Phạm Nhan. Tôi không quên ngày nhà tôi bán nốt sào đất cuối cùng, rồi đói kém đến, ông cụ tôi chết gục dưới gốc đa. Làng

tôi nếu leo đứng trên tháp đèn, thì có thể thấy dạng ngọn đa to ấy, còn thì chả thấy được gì sót, tất cả đều khuất sau rặng núi vịnh kia. Nhưng phải nói nỗi buồn nhớ đó thực là không thấm tháp vào đâu. Kể sắp chết đói mà vớ được miếng ăn thì buồn bã nào mà chẳng chịu được. Ngày qua tháng lại, nhìn mặt trời mọc lên lặn xuống sau vịnh núi hàng trăm lần rồi cũng quen đi chứ. Duy chỉ có một nỗi buồn không tan đi được, cái nỗi buồn ra đây mới thấm thêm vào ruột gan. Ấy là mỗi lần nhìn thấy tàu người từ ngoài chạy vào, chạy ngang qua đây rồi chạy ngang qua cửa sông Bạch Đằng, tàu nào cũng treo lá cờ tam tài. Đó mới là đau anh ạ. Cửa biển là cửa nước mình, sông nước đất địa Bạch Đằng là chốn liệt oanh của cha ông mình, nhưng tàu người lạ vào lại thượng cờ kẻ thù mình lên, anh nghĩ có đau không? Mà tôi thì tôi ở đây hàng ngày phải ngắm cái cảnh ấy. Nhiều lần tôi nhìn thấy thế xong, trở vào nhà chọt trông lên bức tranh tượng của đại vương đây thì cơ hồ như thấy đôi mắt của đại vương ngài đang nhìn tôi có vẻ trách móc. Cả ba ngài đều nhìn tôi với cặp mắt như thế. Tôi lần ra cửa, các ngài cũng nhìn theo. Dần dần mới thấy đôi mắt các ngài trở lại từ tốn như cũ. Tôi nghĩ bụng, đại vương vốn là tổ tiên của mình, chẳng nhẽ lại làm mình khiếp đảm, nhất là đêm đến, tôi khẩn nguyện vía các ngài đừng quở phạt tôi, thế nào tôi cũng tìm cách báo đáp cho bằng được. Nhưng tôi không có cơ hội, tôi gác đèn, tôi làm cái gì được cơ chứ...

Năm 49, vào một đêm tháng chạp, tôi đang ngủ chọt nghe tiếng kêu la văng vẳng vọng đến bên tai. Tôi vùng tỉnh dậy, thì không nghe thấy tiếng kêu ấy nữa. Tôi chắc là mình nằm mơ đó thôi. Nhưng cố nhớ lại thì trong lúc ngủ không có chiêm bao gì hết. Từ đó tới sáng, tôi cũng không chọt mắt được. Rạng ngày, tôi ra ngoài, định lên tháp đèn xem lại nồi hơi, chọt thấy có một người nằm dưới bãi đá. Một tay người đó đưa ra phía trước búi lấy một tảng đá. Tôi tuột thang xuống, nhìn kỹ thấy người đó đã chết. Một người đàn ông tuổi vào khoảng ba mươi, vẻ mặt còn như sống, coi hiền lành quá. Trong tay người đàn ông ấy còn cặp theo một đứa bé gái độ lên chín. Đứa bé mắt nhắm nghiền, mặt tái đi, nhưng mũi hình như vẫn còn thoi thóp. Tôi vội vàng quỳ xuống, nhặt một cọng râu đặt lên trước mũi nó, thì thấy cọng râu rung rung. Thế là tôi vội xốc đứa bé dậy. Bàn tay của người đàn ông quặp lấy đứa bé rất chặt, phải mở tay anh ta ra mới xốc được đứa bé lên. Rõ ràng là cánh tay của một người cha anh ạ. May là đứa bé bị uống nước không nhiều. Tôi bế nó lên nhà, thay quần áo ướt của cháu, lấy chăn trùm đắp lên người cháu và lập tức đốt lửa sưởi. Còn lại bao nhiêu rượu trong vò tôi đều vốc cả ra, xoa mạnh khắp người cháu. Có hơi ấm của lửa và rượu, cánh mũi con bé phập phồng. Mười phút sau, đôi mắt non dại của cháu từ từ hé ra. Tôi reo lên. Thú thực với anh, có lẽ thằng cha coi đèn già như tôi lần đầu tiên mới có được cái nỗi vui sướng như vậy... Ông cụ Sáu nói tới đây thì ngừng lại. Anh Tài Phát của tôi đã nốc tới cốc thứ tư. Anh ta uống rượu rất khá, càng uống mặt càng xanh tái đi. Mọi việc, từ việc chúc rượu ra cốc tới việc chạy lại đặt thêm mấy con khô mực lên hỏa lò, anh Tài Phát xăng xái làm thay cho ông cụ Sáu cả. Anh lại tỏ ra hết sức nâng niu chăm sóc câu chuyện của ông cụ Sáu đang kể cho tôi nghe. Đến như ông cụ sắp muốn hút thuốc lào, anh cũng biết ý, vội mở cái hộp thiếc về ngay cho ông cụ một điếu.

- Thế là con bé được tôi cứu sống - ông cụ Sáu tiếp lời - Người đàn ông nọ chính là bố nó. Sau lúc con bé hồi tỉnh, tôi lên thăm nồi hơi, chọt nhìn thấy nhiều mảnh ván thuyền trôi bập bênh trên mặt biển. Tôi lấy làm lạ, chẳng biết có việc gì ghê gớm vừa xảy ra trong đêm qua. Về sau mới rõ ra là một đoàn thuyền lưới bị tàu nhà binh Pháp đụng tan tác. Chúng nó bảo là vì những thuyền lưới kia đậu trong luồng tàu chạy. Nhưng nào có phải thế. Sự thực là thuyền bà con đổ lại lưới ngoài luồng cấm, chúng nó đi vây quét ở Gia Luận về, chạy thành hàng ngang ba chiếc một, chạy lán ra luồng lạch và mặc dù trông thấy đèn thuyền chúng vẫn đâm bừa. Chả là chúng nó thù anh em đi lưới, phần đông đều có tham gia du kích bí mật. Tất cả người trên sáu chiếc thuyền đều chết. Vài ba chiếc khác bị va nhẹ cũng đắm, một ít người sống sót, như trường hợp chiếc thuyền của người đàn ông bố đứa cháu bé. Giữa đêm, lúc tôi nghe thấy tiếng kêu, mà tôi cứ ngỡ là nằm mơ, đó chính là tiếng kêu cuối cùng của anh ta sau khi đã dành tất cả hơi sức đem được đứa con lợi vào tới chân bệ đá tháp đèn. Từ chỗ xảy ra tai nạn đến tháp đèn có đến

hai cây số. Thật là một tay dân chài bơi giỏi mới có thể vừa cõng con vừa lội một quãng dài như thế được. Tình thương con làm người bố có thêm sức lực đẩy anh ạ. Chắc chắn là nhờ có cái ấy. Huống hồ cháu bé lại là con gái đầu lòng của anh. Sau khi vớt được xác anh ta và cứu được con bé, tôi có nhận tin về vùng lưới Cát Hải, Cát Bà. Tôi được biết anh là một du kích bí mật, có người vợ cũng đã chết ngay trong đêm ấy, ngoài ra anh không còn ai là ruột thịt nữa. Bà con đánh cá chèo thuyền ra đây đem xác chết người đàn ông ấy về chôn cất và rước đứa bé về nuôi. Bà con đánh cá xưa nay vẫn tốt bụng như vậy đó anh ạ. Nhưng tôi khẩn khoản xin bà con giao đứa bé ấy cho tôi. Tôi hứa với họ là sẽ hết lòng chăm sóc nuôi nấng nó cho khôn lớn. Chỉ một ngày một đêm, có cháu bé bên mình, tôi thấy không thể dứt nó ra được nữa rồi. Tôi nấu cháo cho nó ăn, khuấy trứng cho nó uống. Tôi nâng niu gìn giữ cho nó trở lại sức khỏe cũ. Cố nhiên là sau đó nó có nhiều lần khóc đòi mẹ. Tôi dỗ dành, bảo rằng mẹ cháu không bao lâu sẽ về với cháu. Nói thế nhưng bụng dạ mình cứ đau lên nhói nhói. Con bé dần dần cũng phải quên đi và cũng đến lúc không khóc nữa.

... Từ đấy cháu sống với tôi. Tôi bắt đầu cảm thấy hình như gương mặt của các vị đại vương trong bức tranh treo trên vách có vẻ bằng lòng. Tôi thầm nói với các vị ấy rằng: "Tôi đã sắp xếp mệnh lỗ rồi, tôi là một người gác đèn già lão, tôi không có cách gì báo đáp công ơn của các ngài khác hơn bằng cách dốc lòng nuôi đứa con của người du kích này lớn lên, chăm sóc cho cái răng của nó được chắc, sợi tóc của nó mọc được dài, kể như là mình gìn giữ nuôi nấng một cái mầm non tươi có thể có ích cho làng nước mai sau". Như vậy vừa trả được chút nghĩa mà cũng là vừa báo được một chút ân oán. Dần dần tôi có cảm giác hình như tôi có phần được linh lợi sáng láng hơn trước anh ạ. Mùa đông thấy ấm lên và mùa hè nghe tiếng ríu rít của con bé thì đang nóng bức cũng mát mẻ ra. Cuộc sống của hai ông cháu tôi bữa cơm bữa khoai cũng không đến nỗi nào, nhờ vào cái đồng lương ba trăm của ty hải đăng phát cho mỗi tháng. Năm ấy con em gái tôi nó lại cho con chó Mực. Thế là từ chỗ có một thân, giờ chúng tôi có tất cả là ba người. Ba người chúng tôi sống như một gia đình, hết như ba con chim cu nương nấu trong một cái tổ. Cái tháp đèn, anh ở xa trông, chẳng phải giống hệt như cái chuồng cu là gì... Hàng ngày, tôi ngoài việc coi hơi chứa, ghi vào sổ nếu có tình hình gì xảy ra, tối đến đốt đèn thì chẳng có việc gì khác. Tôi liền dạy cháu học chữ và dạy cho cháu cùng đan lưới với tôi. Con bé thông minh lạ, không bao lâu đã đọc được mặt chữ và đan lưới rất giỏi. Mỗi lần bán được lưới, tôi lại gửi người ta mua sắm một thứ gì cho nó, có khi là một khăn trùm đầu, có khi là mấy thước vải.

Nhờ trời, ba chúng tôi được sống xuôi thuận như thế cho tới ngày đình chiến. Con bé cháu được mười bốn tuổi, tôi thì vừa đúng năm nhăm. Tôi bắt đầu trông thấy nhiều việc lạ. Đúng tại cái tháp đèn này mà trông thấy thôi. Đầu tiên buổi sáng dậy nhìn thấy tàu nhớn tàu bé của giặc rút ra cửa Nam Triệu... Trưa hôm ấy, leo lên tháp đèn nhìn về làng bỗng trông thấy một vật gì đỏ đỏ sau rặng núi Rú. Thì ra đấy là một lá cờ đại treo trên cây đa to làng Gia Luận. Chiều đến thì có một chiếc thuyền chèo thẳng từ cầu hải đăng ra. Một đồng chí cán bộ tới thăm tôi. Đó là sự tôi không ngờ đến. Trước nay, trừ con em gái trong làng và người cai lục lộ mỗi tháng ra hai lần xem xét đèn đuốc thì có ma nào đến với tôi đâu. Anh cán bộ hỏi han an ủi hai ông cháu tôi và căn dặn tôi cứ làm công việc cũ, trông nom cho đèn chấy được tốt. Anh ấy còn nói là từ bây giờ trở đi cái tháp đèn này là của mình rồi, nay mai tàu các nước sẽ đến, vì thế phải giữ hơi chứa cho đầy đủ, đốt cho ánh đèn càng tỏ rạng hơn xưa. Tôi nghe anh ấy nói thì cảm động quá anh ạ. Lúc đó tôi muốn đáp lại rằng: "Anh cán bộ ơi, xin anh hãy tin tôi, ông lão này từ nay cũng vẫn sẽ ở tại cái tháp đèn này, sẽ lo đốt cho cây đèn chấy sáng mãi đến tận lúc hơi thờ ông lão tắt". Tôi muốn nói một câu như vậy, nhưng lắp bắp thế nào mà nói không nên lời, sau cùng chỉ vụng về gật gật cái đầu bạc, nước mắt chảy lã lã ra trên gò má.

Người gác đèn gì nói tới đây, bỏ điếu thuốc lòn nhỏ bằng hạt đỗ vè vè trong tay từ nãy giờ vào nõ điếu. Làn da dãn deo dưới ngấn mặt ông cụ giật giật liền mấy cái. Tôi thấy từ đôi mắt già

nua ấy lừ đừ phát ra một tia sáng làm óng ánh cả những sợi mi bạc. Ông cụ hút xong điếu thuốc, phà khói. Giọng nói trầm trầm của ông cụ đều đặn cất lên giữa tiếng gió lùa trên mái tôn, giữa tiếng sóng vỗ lồm bồm đập vào mòm đá bệ tháp:

- Một tuần lễ sau, tôi đã nhìn thấy tận mặt hai chiếc tàu Pháp lần đầu tiên chạy vào Phòng phải thượng cờ lên đỉnh cột buồm. Tôi đứng lặng trên tháp đèn đưa mắt nhìn lá cờ bay lượn. Tôi nghĩ bụng: "Lá cờ của mình đấy, lá cờ của các vị đại vương hảo hớn đấy". Có trời đất thành phần nào lường biết nổi hạ hê của tôi buổi sáng hôm ấy được. Tôi mới chạy vào lôi con bé Đào ra cho nó nhìn. Con bé giơ tay ngoắc ngoắc vẫy vẫy... Thế là từ đấy, chỗ ở của ông cháu tôi thì vẫn không thay đổi, vẫn ở trong cái lều này; nhưng đứng ở đây tôi đã nhìn thấy nhiều đổi thay kỳ lạ ở chung quanh. Năm sau thấy khói nhà máy xi măng cuộn cuộn bốc lên, năm ngoái này lại thấy nhô lên cái nóc lầu cao nguy nga của nhà máy cá. Con mắt già được trông thấy nhiều thứ tưởng tới chết vẫn chưa trông thấy kịp. Bây giờ tôi vẫn sống một mình nhưng không cô độc và không bị treo chân mãi một chỗ. Hàng tháng ở ty lại phái người ra gác thay cho tôi về họp công đoàn. Lúc con trắng bị ăn khuyết dần chỉ còn nhỏ bằng thân con cá lẹp, và nước kém rút xuống khiến những hòn đá trứng ngỗng bám đầy rêu dưới bệ nhô lên thì sắp có người ra gác thay để tôi đi họp rồi đấy. Có lần tôi về họp, ở trên định cho tôi thôi việc coi đèn và xếp cho một việc khác ở đất liền. Ông trưởng ty nói: "Cụ Sáu đã ở ngoài nhà đèn hàng chục năm rồi, bây giờ cụ có muốn đổi một việc khác, nhẹ hơn và được gần gũi với bà con hơn không?". Tôi nghe nói, ngồi lặng tại chỗ, hồi tưởng lại mấy chục năm đi u buồn bã, từ dạo tôi mới bằm sáu, răng còn chắc, tóc còn đen, cho tới nay tuổi ngót sáu mươi, răng đã rụng hết bảy tám chiếc, tóc đã đổi cả màu, mới nghe thấy cái nhời nhẽ thấm thía như thế. Tôi nhớ lại những ngày bạc thếch, heo hút, những đêm dài nằm khoeo như con chó trong lều. Ôi, hai mươi năm giờ. Tôi không có vợ, tôi không có con. Người ta nói kẻ không có vợ con như cây không có hoa quả. Tôi như cái cây đó. Tôi... tôi nhớ... hết, rồi cứ ngồi im, nước mắt chảy ròng ròng. Người ta biết cái nỗi cực của tôi, như thế là tôi thỏa rồi. Sau đó tôi nhìn ông trưởng ty, lắc đầu, rồi chiều lại xuống thuyền, về nhà đèn. Đầu năm, có bác cai Hạ ra thay tôi nửa tháng, tôi được nghỉ dắt con bé cháu về làng chơi. Cảnh làng thay đổi nhiều quá. Cái đình cái miếu bị bom sập cả. Kẻ mất người còn. Nói chung tan tác lắm. Nhưng đã bắt đầu rôm rả trở lại rồi. Không còn ai ăn cháo nữa, không có ai đi vật rong về ăn bậy ăn bạ như trước nữa. Người trong làng đều nhận ra tôi. Hai mươi năm rồi nhưng người nghèo vẫn nhận ra mặt bạn nghèo. Họ nói: "Ông cụ Sáu, ông cụ về đây thôi, về đây mà sống với chúng tôi đi!". Tôi mới đáp: "Cám ơn, quả là tôi muốn về lắm, về ngữi lại cái mùi đất cũ ít năm nữa rồi sẽ chui xuống lớp đất ấy, nhưng mà, các bà con ạ, tôi đi rồi ai sẽ coi đèn cho tôi, anh cán bộ đã dặn tôi phải đốt đèn cho tàu bè trên thế giới thấy đường mà vào nước mình chứ". Tôi nói với bà con như thế anh ạ. Rồi tôi trở ra đây. Đọc đường tôi bỗng nghĩ đến con cái Đào. Tôi lo thầm: "Cái Đào đã lớn rồi, chẳng lẽ lại để nó ở mãi đây ư? Bắt nó ở quanh quần trong cái chuồng cu này thì đến làm khổ nó mất thôi, mà rồi con bé cũng đâm ngớ ngẩn mất thôi. Hay là ta cho nó về đất làng. Phải rồi, gửi nó về cho ở với em gái ta"... Vì muốn cho cái Đào thành người mà tôi phải chịu để cho nó rời tôi. Khổ... khổ là. ít gì thì ông cháu tôi đã sống với nhau tám chín năm trời. Hàng ngày ông ông cháu cháu, bỗng chốc rút ra, anh cũng biết là tôi khổ tâm lắm chứ. Nhưng đành phải thế anh ạ. Đời lão già này đã khổ rồi, nay cần rằng chịu khổ thêm một ít năm nữa cũng chẳng sao. Chứ để con bé thơ thơ ngây ngây thế kia phải u mê như lão thì lão mắc tội, phải không anh?

Thế là tôi thu xếp cho cái Đào về làng hồi hè sau kỳ tiếp quản. Cái đêm rạng ngày con bé đi, tôi đã nhắc lại rành mạch câu chuyện đau lòng của bố mẹ cháu cho cháu nghe. Trước nay, tôi chưa hé răng nhắc lại chuyện đó. Vì cháu còn dại quá. Nhưng trước lúc nó đi, tôi thấy cần phải nhắc lại với nó. Con bé mười lăm tuổi như nó có thể hiểu được rồi. Đành rằng tôi biết trước là tôi gọi lại thì thế nào cháu nó cũng sẽ khóc. Nhưng tôi nghĩ, sau khi nó rút nước mắt, ắt nó nghĩ tới bố mẹ của nó. Tôi nói cho cháu biết rạng ngày mai cháu lên đường về ở trong làng là lên đường về báo hiếu cho bố mẹ đấy. Tôi nó rõ bố cháu trước kia là một người du kích gan dạ thế



nào, mẹ cháu là một người đàn bà làm cá sần sùi cả đôi bàn tay để nuôi cháu thế nào. Cả bố mẹ cháu đều là người cực khổ, sinh nhai trên sông biển ra sao. Lúc tôi nói xong, cái Đào mở to đôi mắt nhìn tôi. Lúc đầu nó chưa khóc. Nhưng sau đó thì khóc đớn khóc đau. Một đứa trẻ khóc cha mẹ của nó, tám năm sau, giữa đêm hôm khuya khoắt nghe mà rút cả ruột cả gan ra. Đêm ấy, hình như nó không chớp được mắt. Đến sáng, nó ra đi, nước mắt trên má vẫn chưa ráo.

Cái Đào đã về làng được bốn năm nay. Từ một con bé giờ đã thành một cô gái. ở Gia Luận nó làm việc đồng, đan lưới, vào thanh niên. Con bé được cái tính hiền hậu, vui vẻ. Nó lớn sao mà lớn từng ngày từng buổi. Con gái bây giờ đứa nào tới tuổi cũng đều lớn vụt lên như một bụi lúa đủ nước vậy. Mặt con cái Đào lúc nào cũng như cười anh ạ. Cái miệng cười, đôi mắt cười, khắp người nó cái gì cũng như muống nói: "Cháu vui sướng quá ông ạ". Thật là một con bé như vậy đấy, chẳng phải là tôi nói ngoa đâu. Cháu ở trong làng nhưng vẫn quyến luyến triu mến tôi như ngày trước. Cứ hai hôm là cháu lại chèo thuyền ra một lần...

Ông cụ Sáu thôi nói, nhìn qua cửa. Không có gì. Chỉ có tiếng sóng chiều vỗ khỏe hơn, chốc chốc sóng giật sợi dây xích buộc xuống bên dưới bật lên tiếng kêu xúng xoảng.

- Bữa nay đáng lẽ là bây giờ nó ra rồi đấy. Chắc là bận. Mỗi lần nó ra là tôi được biết tin tức mới trong thôn. Tôi ngồi đây, cứ nhìn cái Đào là tôi biết được bà con trong đó sống thế nào. Bà con trong thôn tôi mới rồi lập hợp tác xã. Họ sẵn được dê rừng làm tiệc, có gọi cho tôi một đùi. Lần đó con bé cứ nói suốt buổi về chuyện hợp tác, chuyện săn dê trên núi Rú. Nó nói bây giờ ai cũng có phần việc rõ rệt, đàn ông trai tráng làm đồng đi lưới, đàn bà con gái đan lưới chăn nuôi. Cái Đào được bầu làm tổ trưởng tổ đan. Tôi trước kia dạy cho nó đan lưới, giờ hóa ra là tổ viên lĩnh phần việc của nó giao cho. Tôi mừng, nhưng lo nó ốm mất. Sao lại giao cho nó làm việc thế nhỉ? Tội nghiệp, con bé cứ bận tíu tít cả lên. Tuy thế chứ nó không quên tôi đâu, mỗi lần ra đây y như là nó mang đến cho tôi sự vui vẻ. Có lần tôi bị ốm, sốt cứ mê đi, cái Đào ra, gọi nhưng không thấy tôi lên tiếng. Cháu hốt hoảng chạy lên. Sờ thấy trán tôi nóng hơ, con bé chảy nước mắt đầm đìa. Tôi nói: "- Ông còn sống đây, ông chưa chết đâu". Lần đó cả hai ông cháu tôi đều khóc. Sau đó con bé nó bảo tôi:

"- Thôi, ông xin nghỉ đi, ông già rồi, để cháu ra gác đèn thay cho ông". Tôi nói: "- Con còn trẻ, con có việc của con ở trong ấy, rồi phải có chồng chứ". Nó lắc đầu:

- Cháu không... đâu, chừng nào ông mất cháu mới lấy.

Tôi mới bảo "Thế ông còn sống hai mươi năm nữa thì sao?".

Con bé lặng thinh. Tôi lại nói:

- Không được đâu con ạ, ông phải ăn cưới của con rồi ông mới chết.

Con bé cháu một mực bảo là ở vậy nuôi tôi, để thỉnh thoảng chèo thuyền ra, khâu vá cái áo, nấu cho tôi nồi bánh đa riêu. Chả là tôi ưa cái món bánh đa rắc cua. Vâng, con bé nó nói thế. Bây giờ, hễ nghe tiếng bơi chèo va vào mỏm đá là tôi nhồm dậy, bụng vui lên bảo: "Cái Đào lại ra rồi!". Chuyện ông cháu tôi như thế đấy, anh ạ.

Mãi đến hồi sau Tết có một lần cái Đào ra. Chẳng hiểu sao mà hai má nó cứ đỏ ửng lên. Con bé nhảy nhót khắp lều, thấy vật gì cũng vui vẻ nâng niu, coi như những vật đó từ trước tới nay chưa từng lọt vào mắt nó vậy. Con Mực bị một hòn than rơi trúng cháy xém lông, sảy da có một tí, thế mà con bé nó cứ ôm cổ con Mực suýt soa: "- Tội nghiệp, tội nghiệp!". Tôi đoán hình như nó có chuyện gì rồi ấy. Người luống tuổi chúng tôi về già thường hay lú lẫn, nhưng có cái thì

vẫn tinh ý hơn bọn trẻ các anh. Lúc đó tôi hỏi con bé:

- Hôm nay ông trông mày lạ lắm Đào ạ, có gì mà vui quá thế?

- Cháu vẫn thế đấy chứ! - Con bé cười đáp.

Tôi nói: - Nhất định là mày không bảo thật với ông rồi!

Con bé liền bưng mặt vừa cười vừa chạy ra cửa. Rồi nó dừng lại, tựa lưng vào nấc thang, không cười nữa, nhưng mặt thì cứ đỏ ửng lên. Nó nói vẻ nghiêm trang:

- Không mà, cháu có gì đâu... à, vừa rồi... ở tập đoàn các bác vừa bầu cháu là gương mẫu ấy mà...

- Không, cái đó mày đã nói với ông rồi!

Cái Đào rời bậc thang đi từng bước dài vào nhà. Đang đi đột nhiên nó quay phắt lại nhìn chăm chăm vào tôi:

- Ông ạ... cháu nói sợ ông lại giận.

- Không, tao không giận.

Con bé ấp a ấp úng không mở miệng ra được.

Tôi nói:

- Hay là có ai đến xin cô mày giả mày cho họ rồi?

Tôi vừa dứt lời thì cái Đào đã gục đầu ngay vào vạt áo của tôi. Lòng buồn bã như người mất của, tôi ngẩn ra một lúc, rồi vuốt nhẹ nhẹ cái lưng mềm mại tròn tròn của cháu, khẽ hỏi:

- Thế con có đồng ý không?

- Con không đồng ý - Con bé nói nũng nịu.

- Sao? - Tôi trở mắt lo lắng hỏi.

Con bé Đào cười nho nhỏ trong vạt áo:

- Cháu không biết thế nào sát ông ạ.

- Ai đấy?

- Ai thì ông biết rồi, cháu chả nói.

- Con nhà Quảng phải không?

Nó lắc đầu nguây nguẩy:

- Không phải đâu, không phải đâu!

- Đúng rồi... Ông biết mày bằng lòng rồi.

Con bé vụt ngẩng mặt dậy ôm chòm lấy tôi, rồi liền buông ra. Nó đi đến bên bếp lửa, ngồi xuống. Tôi trầm ngâm một chốc và nói:

- Mày có chồng chắc ông lại khổ! Liệu chừng ấy có bơi thuyền ra cái chòi của ông nữa không?

Con bé Đào buông xuôi hai bàn tay đang đùn củi, đôi mắt long lanh, không trả lời. Phần tôi, tôi buồn vì tôi biết rằng rồi đây nó sẽ xa tôi hơn. Nhưng tôi cũng mừng thầm, con bé rồi sẽ có hạnh phúc. Tôi biết cái anh con nhà Quảng là một anh chàng rất giỏi việc, vừa cần cù lại vừa đang tiến. Nghe cô cháu kể lại là anh ta sắp được vào Đảng. Thằng thanh niên nào được vào Đảng là tôi tin, thế thôi.

Ông cụ nói tới đây thì bên dưới tháp đèn chột có tiếng khua lụp cụp, rõ ràng là tiếng bơi chèo chạm vào mỏm đá. Ông cụ im bật. Từ bên dưới vọng lên một tiếng gọi trong trẻo, triu mến:

- Ông ơi...

Ông cụ Sáu lẩm bẩm: "- Nhắc tới nó là nó ra đến rồi!". Đoạn ông cụ quát to:

- Con cái Đào đấy hử?

- Dạ.

Ông cụ chạy ra. Tôi với anh Vòng Tài Phát cũng đứng dậy ra theo. Khi chúng tôi bước đến bậc thang bắc xuống bệ đèn thì thấy một cô gái đang trèo lên. Trong buổi chiều chập choạng, tôi chỉ nhận ra được một gương mặt bầu dục, với đôi mắt to đen lay láy nhìn chúng tôi một cách vừa thẹn thùng vừa niềm nở. Ông cụ Sáu nói:

- Anh Vòng với anh đây ở tàu ghé thăm ông đấy!

Cô con gái gật nhẹ đầu chào chúng tôi. Hai chúng tôi đứng hỏi thăm cô đôi chuyện, rồi vì trời tối quá nên chúng tôi từ biệt hai ông cháu.

Xuống tới xuống, tôi cảm thấy gió thổi lạnh hơn và sóng biển chuyển màu xanh sẫm, mênh mông. Xuống chúng tôi téch ra, nhảy nhót trên sông. Tôi vừa đẩy mạnh mái chèo vừa lan man nghĩ ngợi. Đến lúc ngoảnh lại tôi chẳng còn trông thấy gì nữa, chỉ thấy ngọn đèn trên tháp cao đang chớp lóe. ánh đèn màu xanh rực chiếu một đường dài, rọi sáng mặt biển chiều hôm đang bốc hơi nhẹ nhàng như đang thở.